

**XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH,  
VỮNG MẠNH; PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN;  
BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH; ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ;  
ĐƯA TỈNH SÓC TRĂNG PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG  
(Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIII  
trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV)**

-----

Năm năm qua, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Sóc Trăng triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII trong bối cảnh khu vực và thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, có những yếu tố thuận lợi và thách thức đan xen, tác động đến phát triển kinh tế đất nước. Trong nước, với những thành công và bài học, kinh nghiệm đạt được sau hơn 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có những quyết sách đổi mới, cải cách mạnh mẽ, đạt được những thành tựu rất quan trọng. Thế và lực của nước ta ngày càng lớn mạnh. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên. Tuy nhiên, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường còn nhiều vấn đề gây bức xúc xã hội; các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số hạn chế; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn nhiều vấn đề cần quan tâm.

Đối với tỉnh Sóc Trăng, phát huy những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ trước, tình hình chính trị, xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định; các nguồn lực về phát triển kinh tế trên các lĩnh vực, như: Nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế biển,... còn tiềm năng khai thác; công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư được tập trung thực hiện, nhiều công trình, dự án được triển khai đầu tư tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, Sóc Trăng vẫn là tỉnh khó khăn, xa các trung tâm kinh tế lớn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp; hệ thống kết cấu hạ tầng còn yếu kém; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống của người dân; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh.

Trước tình hình đó, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực.

**Phần thứ nhất**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG**  
**VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIII**  
**NHIỆM KỲ 2015-2020**

**I- NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 3 đột phá chiến lược và tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được những kết quả tích cực**

**1.1. Thực hiện 3 đột phá chiến lược**

- Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 27/6/2014 về đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ. Công tác cải cách hành chính của tỉnh có chuyển biến tích cực; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên. Trong nhiệm kỳ, các cấp chính quyền trong tỉnh quan tâm chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

Thường xuyên rà soát, đơn giản hoá, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đến nay, số lượng thủ tục hành chính được áp dụng trên địa bàn tỉnh là 1.845 thủ tục; trong đó, 100% thủ tục được giải quyết theo cơ chế một cửa, 107 thủ tục được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông. Công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính được cải tiến, đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công, giải quyết 1.334 loại thủ tục thuộc thẩm quyền của các cơ quan cấp tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của tỉnh đạt trên 90%.

Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối<sup>(1)</sup>. Đã thực hiện tinh giản 185 biên chế trong các cơ quan hành chính (giảm 8,9% so với năm 2015); 2.262 biên chế trong các đơn vị sự nghiệp (giảm 9,4% so với năm 2015); 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thực hiện Đề án vị trí việc làm. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo nguyên tắc thi tuyển, phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu tuyển dụng của từng cơ quan, đơn vị.

Tỉnh đã triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính nhà nước đối với 332/332 cơ quan hành chính và giao quyền tự chủ về tài chính đối với 581 đơn vị sự nghiệp công lập<sup>(2)</sup>; qua đó, góp phần

---

(1) Đến nay, toàn tỉnh có 329 cơ quan hành chính (giảm 13 đơn vị so với đầu nhiệm kỳ); có 615 đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 99 đơn vị).

(2) Trong đó, có 1 đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn); 22 đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và 8 đơn vị cấp huyện tự chủ hoàn toàn tự bảo đảm chi thường xuyên.

tiết kiệm kinh phí, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức. Cổ phần hoá 2 doanh nghiệp nhà nước, gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công trình đô thị và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng và cơ cấu lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Sóc Trăng; qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện và xã sử dụng phần mềm một cửa điện tử, phần mềm quản lý văn bản; đã triển khai khung kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 1.0 và đang xây dựng khung kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0; qua đó, có 100% thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2; 478 thủ tục ở mức độ 3 và 189 thủ tục ở mức độ 4, tăng 468 thủ tục mức độ 3 và 135 thủ tục mức độ 4 so với đầu nhiệm kỳ. Hằng năm, chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đều đạt mục tiêu đề ra (trên 80%). Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2019 xếp vị trí thứ 19/63 tỉnh, thành phố trên cả nước (tăng 5 bậc so với năm 2018, 27 bậc so với năm 2017; 30 bậc so với năm 2016; 8 bậc so với năm 2015).

- Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 11/7/2012 của Tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020. Triển khai thực hiện tốt các chính sách, đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh được nâng lên. Dân số toàn tỉnh hiện nay là 1.199.653 người, tuổi thọ trung bình là 74,2 tuổi, tăng 0,4 tuổi so năm 2015; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 89,93%; tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên có chuyên môn kỹ thuật trình độ trung cấp đạt 1,41%, tăng 0,41% so năm 2015; trình độ cao đẳng đạt 1,24%, tăng 0,24% so năm 2015; trình độ đại học trở lên đạt 4,3%, tăng 1,8% so năm 2015.

Công tác giáo dục nghề nghiệp phát triển cả về mạng lưới, quy mô và chất lượng đào tạo; trang thiết bị đào tạo được đầu tư kịp thời; mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được mở rộng; toàn tỉnh hiện có 17 cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trong đó, có 15 cơ sở công lập. Thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” đạt được kết quả nhất định, chất lượng đào tạo nghề được nâng lên, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp; qua đó, giúp người lao động có việc làm, thu nhập ổn định, nâng cao cuộc sống, giảm nghèo bền vững.

Quan tâm thực hiện tốt việc sắp xếp, chuẩn hoá, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn tăng qua từng năm, cơ bản khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên giữa các trường, các cấp học. Hiện nay, toàn ngành giáo dục có 18.532 cán bộ, giáo viên và nhân viên (trong đó, có 8 tiến sĩ, 312 thạc sĩ, tăng 4 tiến sĩ, 116 thạc sĩ so năm 2015), 100% giáo viên các ngành học, bậc học đều đạt chuẩn theo quy định (trong đó, giáo viên trên chuẩn cấp học mầm non là 87,4%, tiểu học là 90,8%, trung học cơ sở là 80,9%, trung học phổ thông là 12,3%).

Công tác đào tạo nguồn nhân lực y tế tiếp tục được quan tâm<sup>(3)</sup>. Đến nay, nguồn nhân lực toàn ngành y tế hiện có 4.763 người; trong đó, có 1 tiến sĩ, 35 thạc sĩ, 323 bác sĩ chuyên khoa I, 45 bác sĩ chuyên khoa II và 495 bác sĩ. Có 8 bác sĩ/10.000 dân, tăng 2,5 bác sĩ/10.000 dân so năm 2015; 1,5 dược sĩ/10.000 dân, tăng 0,7 dược sĩ/10.000 dân so năm 2015; 100/109 trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ phục vụ, chiếm tỷ lệ 91,7%, tăng 20% so năm 2015.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên. Đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 5.778 cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức y tế, giáo dục); tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện đạt chuẩn theo ngạch quy định là 99,63% (chỉ tiêu Nghị quyết là 100%); tỷ lệ công chức cấp xã đạt chuẩn là 99,57% (đạt mục tiêu Nghị quyết đến năm 2020); có 438 người có trình độ sau đại học, vượt 10% chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư. Tập trung đầu tư hệ thống giao thông kết nối các vùng, hành lang kinh tế trọng điểm của tỉnh<sup>(4)</sup>; hạ tầng kết nối các khu, cụm công nghiệp, các khu, điểm du lịch. Đã đầu tư 470 km đường tỉnh, đường huyện; 1.528 km đường giao thông nông thôn. Đến nay, tỷ lệ đường tỉnh cứng hoá, nhựa hoá đạt 100%, tăng 8,3%; đường huyện đạt 81,5%, tăng 66,4%; đường đô thị là 94,3%, tăng 34,5%; đường xã đạt 72,4%, tăng 37,6% so năm 2015. Xã hội hoá đầu tư tuyến tránh Quốc lộ 1 - thành phố Sóc Trăng, tổng mức đầu tư trên 1.400 tỷ đồng.

Hạ tầng nông nghiệp, thuỷ lợi phục vụ sản xuất và ứng phó với biến đổi khí hậu dần hoàn thiện, tiến tới khép kín bảo vệ sản xuất nông nghiệp; trong đó, đã đầu tư được một số dự án cải tạo thuỷ lợi, ngăn mặn, hạ tầng chuyên đổi sản xuất, nâng cao sinh kế<sup>(5)</sup>, với quy mô nâng cấp khoảng 95 km đê biển và 52 km đê sông, nạo vét kênh khoảng 1.045 km,... Đầu tư 3.351 công trình thuỷ lợi nội đồng kết hợp với đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài 3.962 km.

Trong nhiệm kỳ, đã đầu tư mới 1.735 phòng học, nâng cấp 1.009 phòng học, 25.985 bộ thiết bị phục vụ dạy và học,..., với tổng kinh phí 1.611 tỷ đồng; đến nay, toàn tỉnh có 335/478 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm trên 70% số trường toàn

(3) Đã cử đi đào tạo 14 thạc sĩ, 62 bác sĩ, dược sĩ, 111 cử nhân, 127 bác sĩ chuyên khoa I, 48 bác sĩ chuyên khoa II theo Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2015-2019.

(4) Dự án Đầu tư tuyến đường trục phát triển kinh tế từ thành phố Sóc Trăng qua cầu Dù Tho đến vùng kinh tế trọng điểm tôm - lúa, Tuyến đê bao ngăn mặn và đường phục vụ an ninh - quốc phòng, ứng cứu tàu thuyền vùng biển huyện Trần Đề,...

(5) Đã tranh thủ các nguồn vốn để tập trung đầu tư: Dự án đê biển Vĩnh Châu; Dự án đê bao chống ngập úng vùng trung thị xã Ngã Năm; Dự án cơ sở hạ tầng chống ngập úng phục vụ tái cơ cấu sản xuất vùng trung khu vực phía Bắc huyện Thanh Tri; Dự án ngăn mặn ổn định sản xuất khu vực bờ tả Sông Saintard; các dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống thuỷ lợi phục vụ nuôi trồng thuỷ sản các huyện Trần Đề, Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu; Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chuyên đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung,...

ting, tăng 30% so năm 2015. Đối với lĩnh vực y tế, đã đầu tư, nâng cấp các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện, trạm y tế tuyến xã<sup>(6)</sup>, nâng tổng số giường bệnh lên 3.560 giường, đạt tỷ lệ 26,56 giường bệnh/10.000 dân (tăng 4,82 giường/10.000 dân so năm 2015). Đầu tư mới 191 km đường dây 110 kV, 1.800 km đường dây trung thế, 2.422 km đường dây hạ thế, với tổng kinh phí 1.600 tỷ đồng; điện hoá cho 85.000 hộ, nâng tổng số hộ có điện sử dụng lên 370.000 hộ, đạt tỷ lệ hộ có điện sử dụng trên 98%, bảo đảm cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất.

Hệ thống đô thị tăng về số lượng và chất lượng<sup>(7)</sup>. Triển khai thực hiện tốt Chương trình phát triển đô thị; công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị dần đi vào nền nếp; các chương trình phát triển nhà ở thương mại, nhà ở cho gia đình chính sách,... Diện tích nhà ở bình quân đầu người khoảng 21 m<sup>2</sup>/người (tăng 1,8 m<sup>2</sup> so năm 2015); tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt 75,6%; tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 88% (tăng 20% so năm 2015); tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn là 12,57%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường tại khu vực đô thị, công nghiệp, dịch vụ là 90% (tăng 20% so năm 2015); diện tích cây xanh công cộng đô thị trung bình khoảng 2,93 m<sup>2</sup>/người (tăng 0,33 m<sup>2</sup> so năm 2015); mật độ đường giao thông đạt 2,09 km/km<sup>2</sup>; bình quân 95% các tuyến đường đô thị được chiếu sáng, riêng thành phố Sóc Trăng đạt 100%.

## **1.2. Về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế**

Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng, trọng tâm là đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch, huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Kinh tế của tỉnh đạt mức tăng trưởng khá, cơ cấu sản xuất trong nội bộ các ngành kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng khai thác tốt hơn tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, gắn với thị trường.

Ước tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 là 6,15%/năm (chỉ tiêu Nghị quyết từ 8-9%/năm); trong đó, khu vực I tăng bình quân 2,6%/năm, khu vực II tăng 10,81%/năm, khu vực III tăng 7,71%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng<sup>(8)</sup>. Ước GRDP bình quân đầu người năm 2020 là 2.110 USD/người/năm (chỉ tiêu Nghị quyết 3.320 USD/người/năm), tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đầu người là 9,38%. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 8,69%/năm, từ 63 triệu đồng/người/năm năm 2016 lên 88 triệu đồng/người/năm năm 2020. Kết quả cụ thể trên từng lĩnh vực, như sau:

---

(6) Như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi, Trung tâm y tế huyện Cù Lao Dung, Châu Thành và Trần Đề,...

(7) Đến nay, toàn tỉnh có 19 đô thị (tăng 1 đô thị so năm 2015); tỷ lệ đô thị hoá đạt 32,4% (tăng 1,8% so năm 2015).

(8) Trong đó, khu vực I giảm tỷ trọng từ 44,24% năm 2015 xuống còn 36,84% năm 2020, khu vực II tăng tỷ trọng từ 15,25% năm 2015 lên 19,60% năm 2020, khu vực III tăng từ 40,51% năm 2015 lên 43,56% năm 2020.

### 1.2.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới

Tập trung triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là xây dựng, triển khai các chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo hướng liên kết, sản xuất hàng hoá tập trung, áp dụng các quy trình sản xuất sạch, an toàn, gắn với bao tiêu, chế biến, xuất khẩu; chuyển đổi diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang nuôi, trồng các loại cây trồng, vật nuôi khác có giá trị kinh tế cao; triển khai Đề án của Chính phủ về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)<sup>(9)</sup> Qua đó, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản, từ 140 triệu đồng/ha năm 2015 tăng lên 185 triệu đồng/ha năm 2020. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) năm 2020 ước đạt 15.440 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 2,6%/năm<sup>(10)</sup>. Cơ cấu trong nội bộ khu vực I có chuyển biến tích cực theo hướng phát huy thế mạnh vùng kinh tế biển, ven biển của tỉnh, tỷ trọng ngành thủy sản tăng từ 33,8% năm 2015 lên 46,9% năm 2020.

Năng suất, sản lượng lúa vượt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ lúa đặc sản tăng từ 30,5% năm 2015 lên 52,1% năm 2020, vượt 12,1% chỉ tiêu Nghị quyết. Sản xuất rau màu tương đối thuận lợi, nhiều mô hình sản xuất ứng dụng khoa học - kỹ thuật, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất sạch, an toàn được nhân rộng. Xây dựng, triển khai Dự án Phát triển cây ăn trái đặc sản của tỉnh bước đầu mang lại hiệu quả; đến nay, toàn tỉnh có 28.167 ha cây ăn trái, tương đương năm 2015; nhiều mô hình trồng cây ăn trái áp dụng tiêu chuẩn sản xuất sạch, gắn với xây dựng chỉ dẫn địa lý, bao tiêu, xuất khẩu mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chăn nuôi phát triển theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, góp phần nâng cao tỷ trọng ngành chăn nuôi trong khu vực I từ 11,5% năm 2015 lên 15,9% năm 2019.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 09/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 11/9/2007 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển, vùng ven biển. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển được quan tâm đầu tư; nhiều dự án đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, năng lượng tái tạo đang được xúc tiến, triển khai,... Nuôi thủy sản phát triển theo hướng công nghiệp, đa dạng đối tượng nuôi, nhiều mô hình sản xuất hiệu quả được nhân rộng,

(9) Đến nay, đã có 75 sản phẩm được công nhận, trong đó, có 24 sản phẩm 4 sao, 51 sản phẩm 3 sao.

(10) Trong đó, giá trị tăng thêm ngành thủy sản tăng trưởng bình quân 11,5%/năm, tạo nguồn nguyên liệu dồi dào cho ngành công nghiệp chế biến thủy sản của tỉnh, góp phần nâng cao giá trị xuất khẩu thủy sản của tỉnh (từ 498 triệu USD năm 2015 tăng lên 670 triệu USD năm 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6,1%/năm).

áp dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và xuất khẩu. Diện tích nuôi tôm nước lợ tăng từ 46.463 ha năm 2015 lên 50.000 ha năm 2020.

Phong trào xây dựng nông thôn mới được triển khai mạnh mẽ và đạt kết quả tích cực. Trong nhiệm kỳ, tổng nguồn vốn thực hiện xây dựng nông thôn mới là 7.707 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách 760 tỷ đồng, vốn lồng ghép 2.893 tỷ đồng, vốn tín dụng 1.043 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp đầu tư 513 tỷ đồng, Nhân dân đóng góp 602 tỷ đồng. Đến nay, huyện Mỹ Xuyên đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Ngã Năm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đến cuối nhiệm kỳ, có 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 62,5% (chỉ tiêu Nghị quyết trên 50%).

### *1.2.2. Tập trung phát triển công nghiệp, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh*

Ước giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 là 40.000 tỷ đồng, đạt 93% chỉ tiêu Nghị quyết<sup>(11)</sup>, tăng trên 1,9 lần so năm 2015; tăng trưởng bình quân đạt 13,2%/năm. Chỉ số sản xuất công nghiệp giai đoạn 2015-2020 bình quân hằng năm tăng gần 10%. Số lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng qua từng năm; đến nay, toàn tỉnh có 5.087 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đang hoạt động; giải quyết việc làm cho 59.645 lao động (tăng hơn 6.000 lao động so năm 2015).

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh, như: Chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu, sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, năng lượng,... Đến nay, Khu Công nghiệp An Nghiệp có 49 doanh nghiệp thuê đất, với 66 dự án<sup>(12)</sup>; đã giao nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Trần Đề; giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Sông Hậu; lập quy hoạch Khu Công nghiệp Đại Ngãi và Mỹ Thanh. Cụm Công nghiệp Ngã Năm tỷ lệ lấp đầy 46,7%; đã khởi công Cụm Công nghiệp Xây Đá B, cấp quyết định chủ trương đầu tư Cụm Công nghiệp An Lạc Thôn 1, An Lạc Thôn 2.

Đề khai thác tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo; Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Quy hoạch Phát triển điện gió tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (với 22 vị trí, tổng công suất 1.470 MW) và Đề án Phát triển điện mặt trời tỉnh Sóc Trăng giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030, với tổng công suất 975 MW<sup>(13)</sup>. Đối với nhiệt điện, Trung ương đang tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, cấp quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 3, lựa chọn nhà đầu tư để triển khai thực hiện Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 2.

(11) Nguyên nhân do các nhà máy thuộc Trung tâm Nhiệt điện Long Phú chưa đi vào hoạt động.

(12) Tỷ lệ lấp đầy 96,5%, giải quyết trên 14.000 lao động (tăng trên 8.000 lao động so năm 2015), đóng góp trên 30% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

(13) Đến nay, đã triển khai 20 dự án điện gió, với tổng quy mô công suất 1.435 MW (đã khởi công 4 dự án); ngoài ra, tỉnh đang trình bổ sung quy hoạch điện lực cho 9 dự án, với tổng công suất 458 MW. Đối với điện mặt trời, đã trình bổ sung 7 dự án vào quy hoạch điện lực, với tổng công suất 647 MWp.

### 1.2.3. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

- Hoạt động thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Hệ thống chợ được đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới<sup>(14)</sup>. Kêu gọi đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi tại các trung tâm huyện, thị xã, thành phố; nhiều dự án được đầu tư, đưa vào hoạt động, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh<sup>(15)</sup>. Ngoài ra, tỉnh đang tập trung kêu gọi đầu tư Chợ đầu mối nông sản cấp quốc gia trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, với quy mô 254 ha. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 ước 90.000 tỷ đồng, đạt 75% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng trưởng bình quân 13,3%/năm.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 ước thực hiện 900 triệu USD, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết, tốc độ tăng trưởng bình quân 11,2%/năm<sup>(16)</sup>. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu gián đoạn do dịch bệnh, thiên tai, kết quả xuất khẩu của tỉnh trong nhiệm kỳ cũng như 6 tháng đầu năm 2020 cho thấy ngành hàng xuất khẩu của tỉnh phù hợp với nhu cầu thị trường. Việc xây dựng thương hiệu đối với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực đạt được kết quả tích cực, đặc biệt là gạo ST24, ST25,... được nhiều người tiêu dùng trong nước và thế giới biết đến.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 02/8/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã triển khai 8 dự án đầu tư trên lĩnh vực du lịch, với tổng kinh phí trên 800 tỷ đồng, đặc biệt từ khi tuyến tàu cao tốc Trần Đề - Côn Đảo đi vào hoạt động đã góp phần thúc đẩy phát triển ngành du lịch. Chất lượng sản phẩm dịch vụ, du lịch từng bước được nâng lên; lượng khách và doanh thu từ du lịch tăng hằng năm<sup>(17)</sup>.

### 1.2.4. Nâng cao hiệu quả đầu tư công, chất lượng hoạt động tài chính, tín dụng, quản lý ngân sách

Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, trọng tâm là triển khai thực hiện tốt Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020<sup>(18)</sup>. Thực hiện tốt các khâu trong triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và

(14) Trong nhiệm kỳ, đã kêu gọi, đầu tư và nâng cấp 39 chợ, với tổng kinh phí khoảng 103,4 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách là 15,6 tỷ đồng, vốn xã hội hoá là 87,8 tỷ đồng); đến nay, toàn tỉnh có 125 chợ, giảm 7 chợ so năm 2015.

(15) Đến nay, toàn tỉnh có 2 trung tâm thương mại, 17 siêu thị và 62 cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi (năm 2015 chỉ có 5 siêu thị).

(16) Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu chủ yếu là ngành hàng công nghiệp chế biến (nông, thủy sản), may mặc, phù hợp với Chiến lược xuất, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ.

(17) Tổng lượt khách du lịch đến tỉnh năm 2020 ước đạt 2,43 triệu lượt, tăng 1,86 lần so năm 2015, bình quân tăng 18,6%/năm; doanh thu từ du lịch đạt khoảng 1.060 tỷ đồng, tăng 2,67 lần, bình quân tăng 26,7%/năm.

(18) Tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 khoảng 15.800 tỷ đồng; trong đó, tổng vốn đầu tư hệ thống giao thông chiếm 34,8%; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi phục vụ sản xuất và ứng phó với biến đổi khí hậu chiếm 16,5%; y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm chiếm 13,7%; giáo dục và đào tạo và khoa học - công nghệ chiếm 19,5%,...



hàng năm; việc bố trí vốn đầu tư cân đối giữa các nguồn lực, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác quản lý, giám sát hiệu quả đầu tư, thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, bảo đảm hoạt động đầu tư công đúng mục đích, công khai, minh bạch, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Công tác quản lý và điều hành ngân sách đi vào nề nếp; những khoản thu có tỷ trọng cao trong cơ cấu thu ngân sách nhà nước đều tăng trưởng ổn định. Tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2015-2020 ước đạt 20.014 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa là 18.722 tỷ đồng<sup>(19)</sup>. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, ước thu ngân sách nhà nước năm 2020 là 3.407 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa là 3.352 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2015-2020 là 54.269 tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển là 15.298 tỷ đồng, chi thường xuyên là 38.965 tỷ đồng<sup>(20)</sup>.

Hoạt động của các tổ chức tín dụng ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người dân, doanh nghiệp; trong đó, ưu tiên vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa,... Dự nợ cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ước đến năm 2020 là 25.872 tỷ đồng, chiếm 58,3% tổng dư nợ (tăng 9,8% so năm 2015). Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 35 chi nhánh tổ chức tín dụng, với 105 điểm giao dịch ngân hàng (tăng 2 chi nhánh, 22 điểm giao dịch); tổng dư nợ 44.355 tỷ đồng (tăng 20.711 tỷ đồng so năm 2015, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 13,5%/năm); trong đó, nợ xấu 887 tỷ đồng, chiếm khoảng 2% tổng dư nợ (giảm 0,99% so năm 2015).

#### 1.2.5. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, các hoạt động ươm tạo doanh nghiệp, chương trình tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sáng tạo,... từng bước tạo lập hệ sinh thái khởi nghiệp. Kết quả trong nhiệm kỳ, có 1.900 doanh nghiệp thành lập mới (tăng 47,2%), tạo việc làm mới cho khoảng 35.000 lao động (tăng 2,4 lần so nhiệm kỳ trước). Đến nay, tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh là 3.300 doanh nghiệp, tổng vốn điều lệ đăng ký khoảng 33.000 tỷ đồng.

Thực hiện chủ trương về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Tỉnh uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, triển khai các chương trình, dự án về hỗ trợ phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới,... Qua đó, số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới ngày càng

(19) Tỷ lệ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2015-2020 là 5,6%; trong đó, tỷ lệ tăng thu nội địa bình quân là 5,7%.

(20) Tỷ lệ tăng chi hàng năm là 8,7%; trong đó, tỷ lệ tăng chi đầu tư hàng năm là 17,3%, tăng chi thường xuyên là 5,9%.

tăng, chất lượng hoạt động được nâng lên; nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng được mô hình liên kết chuỗi giá trị, sản xuất hàng hoá tập trung, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất sạch, truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến, xuất khẩu, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho xã viên<sup>(21)</sup>.

*1.2.6. Về điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh*

- Tập trung điều chỉnh cơ cấu và cơ chế phân bổ vốn theo hướng giảm dần đầu tư công, tăng cường huy động nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2015-2020 là 68.249 tỷ đồng; trong đó, vốn khu vực nhà nước khoảng 21.400 tỷ đồng, chiếm 31,34% (vốn đầu tư công 15.789 tỷ đồng, chiếm 23,13% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; trong đó, có 23 dự án vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và viện trợ không hoàn lại, với tổng vốn các dự án hơn 4.750 tỷ đồng), vốn khu vực ngoài ngân sách nhà nước khoảng 46.860 tỷ đồng (gồm: Vốn đầu tư của tư nhân khoảng 46.515 tỷ đồng, vốn ODA khoảng 345 tỷ đồng), chiếm 68,66% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư; ưu tiên ngân sách đầu tư hạ tầng đến hàng rào dự án, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Tình hình thu hút đầu tư có bước khởi sắc, nhiều nhà đầu tư lớn, tiềm năng đến tìm kiếm cơ hội đầu tư tại tỉnh<sup>(22)</sup>. Một số dự án đã và đang triển khai có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong nhiệm kỳ, tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2018 và Phát động khởi nghiệp, góp phần quan trọng thu hút đầu tư vào tỉnh.

**2. Cùng với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hoá - xã hội được quan tâm chăm lo, phát triển, đời sống Nhân dân được nâng lên**

**2.1. Đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; tích cực, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường**

- Các cấp uỷ, chính quyền quan tâm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản, toàn diện, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Nghị quyết số

(21) Trong nhiệm kỳ, thành lập mới 116 hợp tác xã, giải thể 31 hợp tác xã; đến nay, toàn tỉnh có 209 hợp tác xã, với 29.604 thành viên (tăng 535 thành viên), tổng vốn hoạt động 1.177 tỷ đồng (tăng 122 tỷ đồng so năm 2015).

(22) Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã tiếp và làm việc với khoảng 900 lượt nhà đầu tư; trong đó, có trên 100 nhà đầu tư nước ngoài. Có 116 dự án được cấp chủ trương đầu tư (tăng 55 dự án), với tổng vốn đăng ký 27.282 tỷ đồng (tăng gấp 5,5 lần so giai đoạn 2011-2015); trong đó, có 9 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, với tổng vốn đầu tư khoảng 3.312 tỷ đồng (đến nay, có 7 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được triển khai, đi vào hoạt động ổn định).

88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Kết luận số 03-KL/TU, ngày 17/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016-2020. Chất lượng giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực; chương trình giáo dục mầm non được chú trọng, chất lượng chăm sóc, giáo dục được nâng lên, tỷ lệ trẻ suy sinh dưỡng giảm mạnh; chương trình giáo dục tiểu học, trung học được đổi mới theo hướng phát triển năng lực học sinh, tỷ lệ học sinh khá, giỏi ngày càng tăng, tỷ lệ học sinh yếu, kém, bỏ học ở các cấp giảm dần qua các năm học, tỷ lệ thi đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục duy trì ở mức cao; chương trình giáo dục vùng đồng bào dân tộc được quan tâm thực hiện. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xoá mù chữ được giữ vững; thực hiện phân luồng học sinh sau trung học cơ sở đạt kết quả bước đầu. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã sắp xếp, giảm 76 trường công lập, 148 điểm lẻ so năm học 2015-2016. Hiện nay, toàn tỉnh có 484 trường công lập, dự kiến năm học 2020-2021 giảm còn 461 trường. Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đến nay, các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện tinh giản 288 trong tổng số 295 biên chế tinh giản theo kế hoạch (đạt 97,6%), phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tinh giản 1.928 biên chế trên tổng số 1.613 biên chế tinh giản theo kế hoạch (vượt 19,5%).

- Quan tâm chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2015 đến nay, có 57 đề tài, dự án đã và đang được triển khai thực hiện, với tổng kinh phí trên 50 tỷ đồng; trong đó, có 41 đề tài, dự án nghiên cứu cấp tỉnh về các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh, thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, gắn sản xuất với bảo vệ môi trường được nghiệm thu, ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Tỉnh đã xây dựng và bảo hộ các nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh<sup>(23)</sup>.

- Tập trung lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 15/3/2017 của Tỉnh uỷ về bảo vệ môi trường tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020; đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thành chương trình, kế hoạch, lồng ghép công tác bảo vệ môi trường vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường được nâng lên; chủ động trong công tác phòng ngừa, kiểm soát, triển khai thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ, khắc phục ô nhiễm môi trường; các điểm nóng về ô nhiễm

---

(23) Như: Hành tím Vĩnh Châu, Artemia Vĩnh Châu, Gạo Tài nguyên Thạnh Trị, gạo ST24 đạt Top 3 gạo ngon thế giới, gạo ST25 đạt giải gạo ngon nhất thế giới; chỉ dẫn địa lý “Vĩnh Châu” dùng cho sản phẩm hành tím,...

môi trường đã cơ bản được xử lý, không để xảy ra tình trạng các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm nghiêm trọng kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, dự án nhằm bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đồng thời, thực hiện chặt chẽ công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; ưu tiên lựa chọn các dự án đầu tư có ứng dụng công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường và thực hiện tốt giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về môi trường đều đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên được quản lý, kiểm soát chặt chẽ; đồng thời, thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất<sup>(24)</sup>.

## **2.2. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá, thể thao, thông tin - truyền thông, chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

Công tác thông tin - truyền thông được quan tâm chỉ đạo, kịp thời thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thiết chế văn hoá từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá dân tộc về vật thể, phi vật thể, tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được chú trọng; tầm vóc các lễ hội truyền thống dân tộc, nhất là Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo của đồng bào Khmer được nâng lên. Công tác gia đình và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá tiếp tục phát triển, phát huy được tinh thần tương thân, tương ái, thực hiện nếp sống văn minh, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội<sup>(25)</sup>. Phong trào thể dục, thể thao có chuyển biến tích cực; thể thao thành tích cao được quan tâm đào tạo<sup>(26)</sup>.

Chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được nâng lên; áp dụng nhiều kỹ thuật mới, hiện đại trong khám, chữa bệnh. Thực hiện tốt việc sắp xếp, tổ chức lại trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố; chủ trương tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Y tế mang lại hiệu quả bước đầu. Công tác y tế dự phòng được quan tâm thực hiện, bệnh dịch được kiểm soát, không có dịch lớn xảy

(24) Ước đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã cấp 439.208 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 282.975 ha, chiếm 99,65% tổng diện tích cần phải cấp Giấy chứng nhận; trong đó, đã cấp cho tổ chức là 12.663 ha, đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân là 270.311 ha.

(25) Ước năm 2020, có 293.730 hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hoá, đạt tỷ lệ 89,8% tổng số hộ trên toàn tỉnh, tăng 11.870 hộ so năm 2015; có 725 ấp, khóm văn hoá, đạt tỷ lệ 93,5%, tăng 93 ấp, khóm so năm 2015.

(26) Từ năm 2015 - 2019, các vận động viên của tỉnh đã tham dự 219 giải thi đấu quốc tế, quốc gia và khu vực, đạt 924 huy chương các loại (250 huy chương vàng, 303 huy chương bạc và 371 huy chương đồng; trong đó, có 6 huy chương vàng, 6 huy chương bạc và 17 huy chương đồng quốc tế, khu vực Đông Nam Á. Thành tích thể thao toàn quốc của tỉnh xếp hạng 20/63 tỉnh, thành phố tại Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018 (tăng 2 bậc so với Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ VII năm 2014).

ra. Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết thuộc lĩnh vực y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,79% dân số, vượt 12,35% chỉ tiêu Nghị quyết; trong đó, bảo hiểm y tế bắt buộc đạt 98,99% dân số, đạt 97,72% chỉ tiêu Nghị quyết; bảo hiểm y tế tự nguyện đạt 79,5% dân số, đạt 159% chỉ tiêu Nghị quyết. Tỉnh uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện tốt các chỉ thị, kết luận của Trung ương về phòng, chống dịch Covid-19, được người dân đồng thuận, chấp hành nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch.

### **2.3. Giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội**

Tỉnh uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (trong đó, có Chương trình giảm nghèo đối với các xã đặc biệt khó khăn,...) gắn với thực hiện các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất, kinh doanh, có việc làm và thu nhập, ổn định cuộc sống<sup>(27)</sup>. Bình quân giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 3%/năm; trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo Khmer trên 4%/năm. Ước đến cuối năm 2020, toàn tỉnh còn 9.282 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,87%; trong đó, có 5.600 hộ nghèo Khmer, chiếm tỷ lệ 5,55%.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người có thu nhập thấp, đồng bào dân tộc, chính sách bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, đối tượng chính sách, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội; bên cạnh chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh xuất ngân sách để hỗ trợ hộ cận nghèo mua bảo hiểm y tế. Quan tâm thực hiện tốt chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đã hỗ trợ trên 38.000 căn nhà cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt kết quả tích cực<sup>(28)</sup>. Tỉnh uỷ đã chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở các nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) theo hợp đồng từ ngân sách địa phương bước đầu mang lại hiệu quả, góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo của địa phương.

---

(27) Tổng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 là 605 tỷ đồng (ngân sách Trung ương là 478 tỷ đồng; ngân sách tỉnh và huy động từ các nguồn khác là 127 tỷ đồng).

(28) 5 năm qua, toàn tỉnh đã đào tạo nghề cho 69.582 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 50,18% năm 2015 lên trên 60% năm 2020, vượt chỉ tiêu Nghị quyết; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng từ 45,18% năm 2015 lên trên 55% năm 2020, vượt chỉ tiêu Nghị quyết; giải quyết việc làm cho 129.609 lao động; trong đó, lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là 1.852 người.

### **3. Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, hoạt động đối ngoại được mở rộng**

Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án về quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới biển của tỉnh. Xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên bảo đảm về số lượng và chất lượng; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm hoàn thành chỉ tiêu được giao. Công tác diễn tập khu vực phòng thủ các cấp được chuẩn bị chu đáo và tổ chức hoàn thành kế hoạch của nhiệm kỳ.

Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được xây dựng, củng cố và phát triển. Các lực lượng chức năng phối hợp thực hiện tốt công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng; triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, chủ động đối phó với các tình huống phát sinh, không để bị động, bất ngờ. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng; các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại địa phương. Triển khai nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, triệt xoá tệ nạn xã hội; tạo sự chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội; tội phạm và vi phạm pháp luật được kéo giảm<sup>(29)</sup>, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, tạo môi trường ổn định, an toàn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về đường lối, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, số lượng dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng. Quản lý chặt chẽ các hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài đến hoạt động trên địa bàn tỉnh theo Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại. Từ năm 2015 đến nay, đã đón tiếp 740 đoàn khách ngoại giao, chuyên gia, doanh nghiệp nước ngoài đến giao lưu, nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội hợp tác, đầu tư tại tỉnh.

### **4. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng thường xuyên, triển khai đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả**

#### **4.1. Công tác xây dựng Đảng được tăng cường lãnh đạo và tạo được chuyển biến tích cực**

- Công tác xây dựng Đảng về chính trị được chú trọng; qua đó, nâng cao về nhận thức, thống nhất về tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân

(29) Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 5/2020, cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý 2.127 vụ việc có dấu hiệu phạm pháp hình sự (giảm 498 vụ so cùng kỳ); bắt và xử lý 2.592 điểm, 14.327 đối tượng đánh bạc dưới các hình thức; tai nạn giao thông được kéo giảm trên cả 3 tiêu chí, xảy ra 902 vụ tai nạn giao thông, làm chết 512 người, bị thương 965 người (giảm 2.376 vụ, giảm 204 người chết và giảm 3.587 người bị thương so cùng kỳ).

dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững nguyên tắc, kiên định mục tiêu đường lối đổi mới của Đảng. Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị đã phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu; nắm vững và vận dụng linh hoạt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào tình hình thực tế của Đảng bộ tỉnh.

- Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quan tâm nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận; tăng cường lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ; định kỳ hằng quý, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị trực tuyến thông tin thời sự chuyên đề, kịp thời định hướng tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; phát hiện và có biện pháp đấu tranh chống các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc và âm mưu “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, ứng dụng các đề tài thuộc lĩnh vực lịch sử, khoa học xã hội và nhân văn, nhằm tổng kết thực tiễn, bổ sung, hoàn thiện về mặt lý luận đối với công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng bằng hình thức trực tuyến; thực hiện nghiêm túc chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là nguồn cán bộ quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và quy hoạch chức danh uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện và tương đương nhiệm kỳ 2020-2025.

- Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng về đạo đức; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, tạo chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng Đảng. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền đổi mới phong cách, lề lối làm việc; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tuân thủ kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện theo chuyên đề hằng năm.

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII. Trên cơ sở các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII, Tỉnh uỷ ban hành Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 24/8/2018 về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn đầu mối, kiêm nhiệm một số

chức danh lãnh đạo cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội<sup>(30)</sup>, gắn với tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị<sup>(31)</sup>.

Thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nghị quyết, triển khai sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã<sup>(32)</sup>. Dự kiến kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở ấp, khóm sẽ giảm 8,5 tỷ đồng vào năm 2021, từ năm 2022 trở đi sẽ giảm 20 tỷ đồng mỗi năm.

- Tỉnh uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên; hằng năm, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 80%; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 80%. Bình quân hằng năm kết nạp được trên 2.000 đảng viên, đạt chỉ tiêu Nghị quyết, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên trên 46.000 đảng viên. Công tác quản lý, phân công công tác đối với đảng viên được thực hiện khá nền nếp.

- Thực hiện đổi mới mạnh mẽ, toàn diện từng khâu trong công tác cán bộ. Thường xuyên rà soát đưa ra khỏi quy hoạch những trường hợp không đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn và bổ sung những nhân tố mới, những cán bộ trẻ có triển vọng phát triển; cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số được phát hiện và giới thiệu đưa vào quy hoạch ngày càng nhiều hơn so với quy hoạch nhiệm kỳ trước. Công tác luân chuyển cán bộ từng bước đi vào nền nếp, từ năm 2015 đến nay đã thực hiện luân chuyển được 49 lượt cán bộ. Công tác bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử khá chặt chẽ, cán bộ được bổ nhiệm và giới thiệu ứng cử đã phát huy được trình độ chuyên môn và năng lực công tác<sup>(33)</sup>. Triển khai thực hiện kế hoạch lấy phiếu tín

(30) Đến nay, toàn tỉnh có 5/11 đơn vị cấp huyện, 38/109 đơn vị cấp xã thực hiện chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp; có 9/11 đơn vị cấp huyện bố trí trưởng ban dân vận cấp uỷ đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; 10/11 đơn vị cấp huyện thực hiện mô hình trưởng ban tuyên giáo cấp uỷ đồng thời là giám đốc trung tâm chính trị; 2/11 đơn vị cấp huyện thực hiện mô hình chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ đồng thời là chánh thanh tra. Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất các trung tâm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng tuyến tỉnh. Thực hiện việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hoá - Nghệ thuật, Trường Trung cấp Y tế, Trường Cao đẳng Sư phạm vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

(31) Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đạt tỷ lệ 95,58% kế hoạch, tinh giản biên chế các cơ quan nhà nước đạt tỷ lệ trên 91% so kế hoạch đến năm 2021.

(32) Trong đó, cán bộ, công chức, viên chức đối với xã, phường, thị trấn loại 1 bố trí tối đa 23 người và xã, phường, thị trấn loại 2 bố trí tối đa không quá 21 người; cán bộ không chuyên trách cấp xã loại 1 bố trí tối đa 14 người, xã loại 2 bố trí tối đa 12 người.

(33) Từ năm 2015 đến nay, có 417 cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý được bổ nhiệm và giới thiệu ứng cử; trong đó, bổ nhiệm 205 đồng chí, bổ nhiệm lại 29 đồng chí; giới thiệu ứng cử 59 đồng chí; chuẩn y bí thư, phó bí thư cấp uỷ cấp huyện 4 đồng chí; bổ sung ban chấp hành, ban thường vụ cấp uỷ 83 đồng chí; chỉ định đảng đoàn, ban cán sự đảng của các đơn vị 37 đồng chí.



nhệm đối với các thành viên lãnh đạo cấp uỷ và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội giữa nhiệm kỳ 2015-2020.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ Đảng được các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo, phục vụ kịp thời trong việc đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, phát triển đảng viên, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong nhiệm kỳ, các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung rà soát, sàng lọc, đưa 958 đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; trong đó, xoá tên 599, xin ra khỏi Đảng 269, khai trừ 90.

- Các cấp uỷ quan tâm đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với công tác dân vận trong tình hình mới, chỉ đạo công tác vận động quần chúng sát với yêu cầu thực tiễn; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh phong trào thi đua dân vận khéo và xây dựng mô hình dân vận khéo trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Công tác dân vận của chính quyền có tiến bộ, nhất là trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, hạn chế tình trạng cán bộ, công chức, viên chức nhũn nhĩu, gây phiền hà đối với tổ chức và công dân. Công tác dân vận của lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; công tác dân vận trong vùng có đông đồng bào tôn giáo, dân tộc được thực hiện có hiệu quả, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng quy định, chất lượng được nâng lên. Các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các quyết định, quy định, quy chế, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; rà soát, bổ sung, ban hành mới các quy trình nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát. Kịp thời xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm, nội dung có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng những địa bàn, lĩnh vực phức tạp, dễ phát sinh tiêu cực để kiểm tra, giám sát<sup>(34)</sup>. Qua kiểm tra, giám sát giúp cấp uỷ, người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

#### **4.2. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp tiếp tục được nâng lên**

Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Tỉnh uỷ và Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh; tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, triển khai thực hiện các công trình, dự án mang lại hiệu quả thiết thực; rà soát, cắt, giảm thời gian giải quyết thủ

(34) Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, các cấp uỷ kiểm tra 2.691 tổ chức, 1.985 đảng viên; giám sát 1.466 tổ chức, 1.760 đảng viên; đã xử lý kỷ luật 6 tổ chức cơ sở đảng; thi hành kỷ luật 463 đảng viên vi phạm; giải quyết 6 trường hợp khiếu nại kỷ luật đảng.

tục hành chính, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Hội đồng Nhân dân tỉnh đã lựa chọn đúng, trúng những vấn đề quan trọng, bức xúc của tỉnh để bàn, quyết định trong các kỳ họp. Tăng cường chức năng giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực. Qua giám sát, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý vi phạm; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và những vấn đề được cử tri quan tâm.

### **4.3. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, đạt kết quả tích cực**

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới theo hướng sát cơ sở; chăm lo thiết thực đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Quan tâm củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động các chi, tổ hội, nhóm tiết kiệm và chú trọng công tác kết nạp đoàn viên, hội viên. Dự kiến đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 420.000 đoàn viên, hội viên, chiếm tỷ lệ trên 30% dân số. Tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị; thực hiện tốt Quy định số 02-QĐi/TU, ngày 06/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong việc phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong Đảng bộ tỉnh; công tác xây dựng tổ chức đoàn thể được tăng cường; hằng năm, có trên 95% các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh.

Các chính sách về dân tộc, tôn giáo được triển khai thực hiện ngày càng tốt hơn. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; qua đó, đời sống Nhân dân vùng có đông đồng bào dân tộc ngày càng được cải thiện, nâng cao.

### **4.4. Công tác cải cách tư pháp; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện**

Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp tập trung công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; kịp thời cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp trong các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thành các chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương. Chú trọng

triển khai các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản có liên quan. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế theo quy định của Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị; hằng năm, thành lập Đoàn rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng<sup>(35)</sup>; xây dựng các kế hoạch kịp thời giải quyết kiến nghị của các Đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Tỉnh uỷ, các cấp uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị; công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc theo Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị. Thực hiện nghiêm Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; Quy chế số 07-QC/TU, ngày 19/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp với Nhân dân; qua đó, công tác tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân được quan tâm thực hiện. Đến nay, bí thư cấp uỷ các cấp trong tỉnh đã tổ chức tiếp 253 lượt công dân.

## II- NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII còn một số mặt hạn chế, yếu kém:

### **1. Kinh tế phát triển chưa thật sự bền vững, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh còn thấp**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Quy mô kinh tế còn nhỏ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, nhưng chưa đạt yêu cầu; tỷ trọng khu vực I còn chiếm tỷ lệ cao; tỷ trọng khu vực II tăng chậm.

Sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, liên kết sản xuất chưa chặt chẽ, việc sản xuất theo quy trình sản xuất sạch, gắn với việc xây dựng chỉ dẫn địa lý, liên kết chế biến, xuất khẩu bước đầu mới hình thành, thiếu bền vững; các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn chậm được triển khai, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tiến độ thực hiện một số đề án, dự án chuyển đổi sản xuất chậm. Xây dựng nông thôn mới có mặt còn hạn chế.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến; trong đó, ngành chế biến thực phẩm chiếm 80%. Các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các nhà máy nhiệt điện, điện gió

---

(35) Trong nhiệm kỳ, đã xử lý 24 vụ án, vụ việc liên quan đến tham nhũng.

chậm tiến độ. Kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động thương mại, nhất là ở khu vực nông thôn còn yếu kém, phần lớn là mạng lưới chợ truyền thống; du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng.

Thành phần kinh tế tư nhân phần lớn là các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; số lượng doanh nghiệp đăng ký giải thể, tạm ngưng hoạt động khá cao (chiếm khoảng 25% số doanh nghiệp thành lập mới). Mô hình kinh tế tập thể chưa phát huy hiệu quả, chất lượng hoạt động nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác còn yếu kém; liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa doanh nghiệp với các tổ chức kinh tế tập thể hạn chế, thiếu bền vững.

Công tác thu hút đầu tư còn khó khăn do thiếu quỹ đất sạch, nhiều quy định về thủ tục còn bất cập, chồng chéo, kết quả thu hút đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng; môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện, nhưng khả năng cạnh tranh còn thấp so với cả nước và khu vực; hoạt động hỗ trợ tuy được tăng cường nhưng còn dàn trải, phân tán, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

Công tác cải cách hành chính còn nhiều hạn chế; năm 2019, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh xếp hạng 53/63 tỉnh, thành phố; chỉ số quản trị công của tỉnh thuộc nhóm trung bình thấp; việc hiện đại hoá hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ còn chậm. Chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Huy động vốn cho đầu tư phát triển đạt thấp so với chỉ tiêu Nghị quyết. Tiến độ triển khai một số công trình chậm; trong đó, có một số công trình trọng điểm.

## **2. Một số vấn đề văn hoá - xã hội chuyển biến chậm, có mặt còn hạn chế**

Việc đầu tư, khai thác, bảo tồn, phát huy các thiết chế văn hoá, khu di tích chưa được quan tâm đúng mức; nhiều thiết chế văn hoá cơ sở còn thiếu chuẩn so với quy định; phong trào thể dục thể thao quần chúng ở vùng nông thôn, khu công nghiệp còn hạn chế; thể thao thành tích cao phát triển chậm.

Chất lượng giáo dục và đào tạo vẫn còn thấp so với khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác sắp xếp mạng lưới trường, lớp, điều chuyển giáo viên, xã hội hoá giáo dục và đào tạo còn gặp nhiều khó khăn; còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, đặc biệt là thiếu giáo viên mầm non. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến nhà trẻ, trung học phổ thông chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Hệ thống y tế ngoài công lập chậm phát triển; trình độ, năng lực của cán bộ y tế cơ sở ở một số nơi còn hạn chế. Dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết chưa được phòng ngừa hiệu quả, số ca mắc bệnh hằng năm có chiều hướng gia tăng.

Kết quả của một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa được khai thác ứng dụng hiệu quả; phần lớn các doanh nghiệp không đủ điều kiện tiếp cận những tiến bộ khoa học và công nghệ, nên hạn chế trong việc liên kết hợp tác giữa nghiên cứu với ứng dụng khoa học và công nghệ.

Công tác phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chậm so với quy định; tình trạng ô nhiễm môi trường tại khu công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh từng lúc, từng nơi chưa được kiểm soát chặt chẽ; còn lúng túng trong thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn; kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Chất lượng công tác đào tạo nghề còn hạn chế, đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu sử dụng lao động; chất lượng lao động còn thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, lao động có tay nghề, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao chiếm tỷ trọng thấp; việc giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động tại các cơ sở sản xuất, nhất là lao động có tay nghề còn gặp nhiều khó khăn.

### **3. An ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp**

Tình hình an ninh chính trị còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định. Hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm chưa cao, tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma tuý chưa được kiểm chế, tội phạm trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm được phát hiện, xử lý. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc một số nơi chưa hiệu quả. Giải quyết một số vụ việc khiếu nại kéo dài liên quan đến đất đai chưa triệt để. Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước về an ninh, trật tự chưa đạt yêu cầu.

### **4. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn hạn chế**

Công tác nắm tư tưởng, dư luận xã hội từng lúc chưa kịp thời; cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí còn bị động, lúng túng; trong đấu tranh, phản bác luận điệu sai trái của các thế lực thù địch thiếu sắc bén. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị chuyển biến chưa rõ nét; có nơi việc cụ thể hoá thực hiện chủ đề hằng năm chưa phù hợp với từng loại hình cơ quan, đơn vị.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên nhiều nơi còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm; tính tiên phong, gương mẫu của một số cán bộ, đảng viên chưa cao. Việc xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo cán bộ ở một số nơi có lúc còn chủ quan, còn coi trọng văn bằng, chứng chỉ, chưa gắn với năng lực thực tiễn và hiệu quả công việc.

Công tác kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra thu, chi ngân sách đảng, giám sát chuyên đề tổ chức đảng còn ít; chất lượng, hiệu quả của một số cuộc kiểm tra, giám sát chưa cao. Vai trò tham mưu của uỷ ban kiểm tra có nơi chưa được phát huy đúng mức; công tác phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các cơ quan có liên quan trong kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng từng lúc chưa chặt chẽ, kịp thời.

Việc tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng còn hạn chế. Tiến độ thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng còn chậm, sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án còn vướng mắc, bất cập; công tác giám định một số vụ việc còn kéo dài. Công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, thanh tra chuyên ngành hiệu quả chưa cao.

Công tác dân vận trong hệ thống cơ quan nhà nước chưa được quan tâm thực hiện. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nơi còn hạn chế; công tác phản biện còn lúng túng; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có nội dung chưa nghiêm túc, nhiều nơi còn hình thức; công tác phối hợp nắm tình hình, quản lý hoạt động tôn giáo, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo có lúc chưa chặt chẽ.

### III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

#### 1. Đánh giá tổng quát

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, với tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và quyết tâm cao, tỉnh Sóc Trăng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực; có 2 chỉ tiêu cơ bản đạt, 18 chỉ tiêu thực hiện đạt và vượt Nghị quyết. Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, quy mô kinh tế được nâng lên; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch có bước phát triển, mở ra nhiều triển vọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; tình hình thu hút đầu tư có bước khởi sắc, nhiều nhà đầu tư lớn, tiềm năng đến tìm kiếm cơ hội đầu tư tại tỉnh, nhiều dự án đã được cấp chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện. Xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả tích cực, được Nhân dân đồng tình, tin tưởng. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có chuyển biến, tiến bộ; các chủ trương, chính sách về giảm nghèo, giải quyết việc làm, an sinh xã hội,... được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Quốc phòng - an ninh được củng cố; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả; đoàn kết nội bộ được giữ vững; tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở

đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên. Công tác dân vận trong hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ, hiệu quả góp phần tạo sự đồng thuận trong quần chúng Nhân dân.

Bên cạnh thành tựu đạt được, cũng còn một số mặt hạn chế, yếu kém, khuyết điểm: Còn 4/24 chỉ tiêu Nghị quyết thực hiện khó đạt: Tốc độ tăng trưởng kinh tế; GRDP bình quân đầu người; sản lượng thủy, hải sản; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội. Kết quả thực hiện 3 đột phá chiến lược còn một số mặt hạn chế, thu hút đầu tư vào tỉnh còn thấp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, liên kết sản xuất - tiêu thụ thiếu bền vững; chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Công nghiệp tuy có bước phát triển, nhưng chưa trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; hạ tầng khu, cụm công nghiệp chậm được đầu tư. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, nhất là du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Chất lượng giáo dục và đào tạo tuy được nâng lên nhưng chưa đều. Đời sống của Nhân dân, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp. Năng lực quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể có mặt còn hạn chế. Chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ chậm đổi mới; tính đảng, tính chiến đấu trong kiểm điểm, tự phê bình và phê bình ở một số địa phương, đơn vị cơ sở chưa cao.

## **2. Nguyên nhân**

### **2.1. Nguyên nhân đạt được thành tựu**

- *Về khách quan*: Tình hình kinh tế đất nước tăng trưởng ổn định; sức cạnh tranh, tiềm lực và quy mô nền kinh tế được nâng cao; tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quan hệ hợp tác đối ngoại của Việt Nam với các nước phát triển tốt, đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế chung của các tỉnh, thành phố trong cả nước; trong đó, có tỉnh Sóc Trăng.

- *Về chủ quan*: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát; các ngành, các cấp tích cực phối hợp triển khai thực hiện. Ý thức nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, Nhân dân trên địa bàn tỉnh trong sản xuất, kinh doanh.

### **2.2. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại**

- *Về khách quan*: Tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, khó lường, các nước ngày càng gia tăng các biện pháp hạn chế thương mại, bảo hộ sản xuất trong nước. Kinh tế của tỉnh chủ yếu là nông nghiệp, chịu ảnh hưởng của thời tiết, biến đổi khí hậu, biến động giá cả, dịch bệnh,..., đặc biệt hạn, xâm nhập mặn năm 2016 và năm 2020, bệnh Dịch tả heo Châu Phi năm 2019 ảnh hưởng đến

sản xuất nông nghiệp của tỉnh (năm 2016, khu vực I tăng trưởng âm); các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các dự án nhiệt điện, điện gió chậm triển khai đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng khu vực II, III. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vị trí địa lý của tỉnh xa các trung tâm kinh tế lớn; hạ tầng kỹ thuật còn yếu và thiếu. Ngân sách tỉnh còn khó khăn nên thiếu nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch. Có những cơ chế, chính sách còn chông chéo, bất cập, thiếu đồng bộ, nhiều quy định chưa phù hợp, thiếu tính khả thi khi triển khai thực hiện (nhất là thiếu nguồn vốn thực hiện).

- *Về chủ quan*: Một số cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ; chưa có sự tập trung đúng mức cho nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá. Công tác tham mưu của một số ngành chuyên môn còn hạn chế. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, kể cả cán bộ chủ chốt chưa đáp ứng yêu cầu; tinh thần trách nhiệm chưa cao. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có việc chưa chặt chẽ, thiếu chủ động.

### **3. Một số kinh nghiệm**

*Thứ nhất*, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao; bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, phát huy tinh thần tự lực, tự cường; hành động quyết liệt, trách nhiệm, vừa xem trọng tính toàn diện, nhưng có tập trung dồn sức cho những lĩnh vực then chốt, nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá, tạo động lực phát triển.

*Thứ hai*, giải quyết hài hoà lợi ích chính đáng của các tầng lớp trong xã hội với những bước đi phù hợp, khả thi. Xây dựng, phát triển, nhân rộng những điển hình tiên tiến, nhân tố mới tích cực trên các lĩnh vực; sự đồng thuận xã hội, sức mạnh đại đoàn kết của các tầng lớp Nhân dân.

*Thứ ba*, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và củng cố hệ thống chính trị với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường.

*Thứ tư*, chăm lo xây dựng Đảng cả về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tổ chức và cán bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Làm tốt công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ có quyết tâm, năng động, sáng tạo, có đủ phẩm chất, năng lực. Đề cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

*Thứ năm*, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, phong cách quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo hướng khoa học, sâu sát cơ sở; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.



**Phần thứ hai**  
**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**  
**NHIỆM KỲ 2020-2025**

**I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Trong 5 năm tới, Việt Nam tiếp tục hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, theo đó, việc thực thi nhiều cam kết kinh tế quốc tế, nhất là các hiệp định thương mại tự do mới ký kết, như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam - EU sẽ mở ra nhiều cơ hội cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng nông, lâm, thuỷ sản,...; các cân đối vĩ mô tiếp tục được kiểm soát; đà tăng trưởng vẫn sẽ được duy trì ổn định; thị trường đầu tư tại Việt Nam dự báo có nhiều khởi sắc; Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, vừa tạo ra cơ hội và thách thức đối với mọi quốc gia. Bên cạnh thời cơ, thuận lợi, dự báo tình hình thế giới trong những năm tới tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước tiếp tục diễn ra ngày càng gay gắt; khu vực Châu Á phát triển nhanh, nhưng tình hình tranh chấp biển, đảo tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định; khu vực Đông Nam Á còn nhiều rủi ro, thách thức; các nước gia tăng các biện pháp hạn chế thương mại, bảo hộ sản xuất trong nước; dưới tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng về nhiều mặt,... Tình hình kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng, nhưng sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, lệ thuộc nhiều vào các nền kinh tế lớn trên thế giới; năng suất lao động còn thấp; biến đổi khí hậu tác động ngày càng nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống người dân; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn xảy ra; suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ chưa được đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn.

Đối với tỉnh Sóc Trăng, kết quả tích cực trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015-2020 sẽ tạo động lực lớn cho nhiệm kỳ 2020-2025; nhiều dự án đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các dự án năng lượng, các trung tâm thương mại, du lịch,... dự kiến được triển khai, sẽ tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai có chiều hướng diễn biến nhanh, khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống người dân; dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thiếu hụt lao động, nhất là lao động có tay nghề cao; nhu cầu sử dụng tài nguyên, nhất là đất đai, tài nguyên nước, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định; tệ nạn xã hội, ma tuý diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch, phản động nước ngoài tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động câu móc với các phần tử bất mãn, cơ hội chính trị

trong khu vực và trên địa bàn tỉnh lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

## II- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

### 1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; đưa tỉnh Sóc Trăng phát triển nhanh, bền vững. Phấn đấu đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người bằng bình quân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện mục tiêu trên, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh nhất quán phương châm chỉ đạo trong suốt nhiệm kỳ là: **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới”**.

### 2. Chỉ tiêu cụ thể

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh năm 2010 bình quân 5 năm (2021-2025) đạt 8,0%.

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ đạt 75 triệu đồng/người/năm trở lên.

(3) Cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ khu vực I là 33%, khu vực II 26%, khu vực III từ 37% trở lên, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 4%.

(4) Sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao đến cuối nhiệm kỳ chiếm trên 80% sản lượng lúa toàn tỉnh.

(5) Sản lượng thủy, hải sản đến cuối nhiệm kỳ đạt 417.000 tấn trở lên.

(6) Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến cuối nhiệm kỳ đạt trên 250 triệu đồng/ha.

(7) Luỹ kế đến cuối nhiệm kỳ có 72 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; có 6 huyện/thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

(8) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân mỗi năm từ 21% trở lên.

(9) Giá trị xuất khẩu hàng hoá đến cuối nhiệm kỳ đạt 1,2 tỷ USD.

(10) Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đến cuối nhiệm kỳ đạt 97.600 tỷ đồng.

- (11) Thu ngân sách nhà nước trong cân đối đến cuối nhiệm kỳ là 6.500 tỷ đồng.
- (12) Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp: Nhà trẻ đạt 25%, mẫu giáo đạt 95%; tiểu học đạt 99,5%; trung học cơ sở đạt 98,5%; trung học phổ thông và tương đương đạt 75%.
- (13) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối nhiệm kỳ đạt 85%.
- (14) Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế 100%; đạt 30 giường bệnh/10.000 dân, 10 bác sĩ/10.000 dân.
- (15) Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% dân số; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 45%.
- (16) Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ là 30%. Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi là 85%.
- (17) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%-3%/năm; trong đó, giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo 3%-4%/năm.
- (18) Hằng năm, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 93%; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 99%.
- (19) Hằng năm, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 65%.
- (20) Phân đấu đến cuối nhiệm kỳ 2020-2025, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh là 53.400 đồng chí.
- (21) Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*” và có dưới 1,5% tổ chức cơ sở đảng “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”.
- (22) Hằng năm, có trên 80% đảng viên được xếp loại “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*” và có dưới 1,5% đảng viên “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”.
- (23) Hằng năm, phân đấu có trên 85% các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

#### **1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

*Về phát triển nông nghiệp và nông thôn:* Xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với

điều kiện sinh thái từng vùng, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu; cơ cấu lại sản xuất theo hướng các ngành hàng chủ lực “thủy sản, lúa đặc sản, cây ăn trái”, từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất sạch, hướng đến ứng dụng công nghệ cao, theo nhu cầu thị trường, gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, liên kết tiêu thụ, chế biến, xuất khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi diện tích sản xuất kém hiệu quả sang các loại cây, con có giá trị kinh tế. Triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương về hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển kinh tế hợp tác, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Đẩy mạnh phát triển lúa đặc sản, lúa chất lượng cao các loại, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ nâng tỷ lệ sản lượng lúa đặc sản, lúa chất lượng cao chiếm trên 80% tổng sản lượng lúa. Triển khai Dự án Phát triển cây ăn trái đặc sản của tỉnh hướng tới thị trường xuất khẩu, với các nhóm cây chủ lực, như: Cây có múi (bưởi, cam, quýt,...), nhãn, vú sữa, xoài, sầu riêng, măng cầu,... Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung gắn với chuỗi giá trị, chủ động phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường tại các cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình số 35-CTr/TU, ngày 04/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh vùng ven biển của tỉnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển; trong đó, cần quy hoạch khu vực ven bờ để tránh xung đột giữa luồng hàng hải với phát triển điện gió. Phát triển nuôi thủy, hải sản theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, xuất khẩu; chú trọng khai thác gắn với việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phát triển năng lượng tái tạo, thương mại, dịch vụ và du lịch biển, góp phần chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển của tỉnh.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, nhất là đối với các tiêu chí cần ít vốn đầu tư; huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch, chợ,...; đồng thời, quan tâm duy trì và nâng chất các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, hướng đến đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 6 huyện/thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 2 huyện/thị xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao).

*Về phát triển công nghiệp:* Cụ thể hoá, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng năng lượng; trong đó, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp lợi thế của tỉnh, như: Công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất điện,...; thúc đẩy gia tăng số lượng doanh nghiệp sản xuất, chế biến các ngành hàng có sử dụng nguồn nguyên liệu nông, thủy sản địa phương; phát triển tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn, nhằm giải quyết lao động, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Khẩn trương hoàn thành các thủ tục, triển khai đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Trần Đề, Sông Hậu, Đại Ngãi, Mỹ Thanh; các cụm công nghiệp: Ngã Năm, Xây Đá B, An Lạc Thôn 1, An Lạc Thôn 2, Vĩnh Châu,...; các nhà máy nhiệt điện thuộc Trung tâm Nhiệt điện Long Phú, các nhà máy điện gió, điện mặt trời,...

*Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch:* Sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư hạ tầng thương mại thiết yếu, chú trọng phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư, khai thác hệ thống chợ, chợ đầu mối, trung tâm thương mại,... tại các đô thị và khu vực nông thôn theo quy hoạch; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển chợ trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh với các hình thức thanh toán linh hoạt; chú trọng phát triển thương mại điện tử. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hoá; kết nối cung cầu, gắn với thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường; xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics Việt Nam đến năm 2025. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại tại các quốc gia, vùng lãnh thổ xuất khẩu trọng điểm của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường xuất khẩu.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 02/8/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; trong đó, tập trung khai thác tiềm năng du lịch văn hoá lễ hội, di tích lịch sử; du lịch chợ nổi kết hợp với phát triển các loại hình văn hoá trên sông; du lịch sinh thái, miệt vườn trên hệ thống cù lao dọc sông Hậu và khu vực ven biển, kết hợp với phát triển điện gió, du lịch biển,... Khai thác tiềm năng du lịch thông qua tuyến tàu cao tốc Trần Đề - Côn Đảo. Chú trọng xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh; phát triển, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ du lịch. Đẩy nhanh tiến độ triển khai

các khu, điểm du lịch; thực hiện Đề án Phát triển du lịch cộng đồng, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, chú trọng đầu tư nâng cấp các di tích lịch sử, các điểm tham quan, du lịch. Tăng cường công tác quảng bá, phối hợp với các công ty lữ hành xây dựng tour, tuyển kết nối với các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Đề án Tổng thể phát triển du lịch Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, nhất là tại các khu, điểm du lịch.

*Về thu - chi ngân sách:* Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, tạo nguồn thu mới; tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu; kiểm soát chặt chẽ việc khai thuế, hoàn thuế bảo đảm công bằng mức huy động thuế, phí trong xã hội. Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực ngân sách nhà nước; đẩy mạnh xã hội hoá, chế độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; thực hiện việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn; ưu tiên ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho thu hút đầu tư đối với các danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư của tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

Tổng thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 là 28.047 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa giai đoạn 2021-2025 là 27.675 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2021-2025 là 9,5%; tỷ lệ tăng thu nội địa bình quân giai đoạn 2021-2025 là 9,5%. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 55.900 tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển là 13.146 tỷ đồng, chi thường xuyên giai đoạn 2021-2025 là 41.646 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng chi hằng năm là 5,2%; trong đó, tỷ lệ tăng chi đầu tư hằng năm là 4,6%, tăng chi thường xuyên là 5,4%. Phấn đấu huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 164.710 tỷ đồng, tăng 2,41 lần so với giai đoạn 2016-2020; tỷ trọng vốn đầu tư 45,08% trong GRDP, tăng 17,25% so với giai đoạn 2016-2020.

*Về tín dụng:* Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai các giải pháp bảo đảm chất lượng tín dụng, an toàn hệ thống, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hợp lý; tập trung vốn tín dụng cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ và ưu tiên vốn tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

*Về đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:* Tranh thủ Trung ương bổ sung quy hoạch, kêu gọi đầu tư cảng biển nước sâu Trần Đề; đầu tư kéo dài tuyến Quốc lộ 60, Quốc lộ 61B; đầu tư cầu Đại Ngãi; đề xuất, kiến nghị Trung ương nâng cấp, mở rộng các tuyến quốc lộ qua địa bàn. Triển khai thực hiện có

hiệu quả Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, ưu tiên đầu tư các công trình, dự án tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó, tập trung đầu tư hệ thống các tuyến đường tỉnh, đường huyện, các tuyến đường kết nối thành phố Sóc Trăng với các vùng kinh tế trọng điểm, các khu, điểm du lịch của tỉnh; đầu tư các tuyến vành đai, trục hướng tâm, trục chính giao thông các đô thị; triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Sóc Trăng.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng vùng nuôi thủy sản huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu; hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất ở các huyện: Thạnh Trị, Mỹ Tú, Châu Thành và thị xã Ngã Năm; các dự án nạo vét hệ thống thủy lợi trữ ngọt kết hợp phòng, chống ngập úng, hạn mặn trên địa bàn tỉnh. Tranh thủ Trung ương triển khai Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung; Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững; Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng cá Trần Đề; các dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn các huyện Kế Sách, Long Phú, Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu.

Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo, bảo đảm nguồn điện và lưới điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của người dân; trong đó, tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư trạm biến áp 220kV Vĩnh Châu, các đường dây và trạm biến áp 110kV, phân đầu đến năm 2025 mỗi huyện và khu, cụm công nghiệp có trạm biến áp 110kV. Đến năm 2025, hộ có điện trên địa bàn tỉnh đạt trên 99%, không còn hộ sử dụng điện câu đuôi mất an toàn, bảo đảm điện cung cấp cho khu vực nuôi tôm công nghiệp của tỉnh. Đồng thời, tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện các dự án năng lượng tái tạo, phân đầu đến năm 2025 các dự án đưa vào vận hành thương mại.

*Về phát triển các thành phần kinh tế:* Triển khai thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU, ngày 31/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung các nguồn lực để triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát động khởi nghiệp. Phân đầu đến cuối nhiệm kỳ có 2.500-3.000 doanh nghiệp được thành lập mới.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc củng cố, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã; tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; xem việc xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu

thụ sản phẩm là động lực để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, nâng cao thu nhập cho xã viên.

*Về thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh:* Triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Chú trọng cải thiện dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động, gia nhập thị trường,... Hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai các công trình, dự án. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đầu tư, chính sách khuyến khích đầu tư, để nhiều nhà đầu tư, nhất là các tập đoàn lớn, có tiềm lực kinh tế, quản trị, công nghệ tiên tiến đến đầu tư phát triển trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch,... Tranh thủ Trung ương đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng liên vùng, xã hội hoá đầu tư cảng biển nước sâu Trần Đề; khai thác lợi thế giao thông thuỷ, bộ dọc theo sông Hậu, kết nối với khu vực kinh tế biển, tập trung kêu gọi đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp,...

*Về phát triển đô thị:* Nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị, đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch phân khu, nhất là tại thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm; thực hiện tốt chương trình phát triển đô thị, các chương trình phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội,...; nâng cao tỷ lệ đô thị hoá. Đầu tư xây dựng phát triển đồng bộ hạ tầng theo định hướng phát triển đô thị thông minh, xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án nhà ở, trung tâm thương mại,... tại các đô thị. Phấn đấu hoàn chỉnh các tiêu chí đô thị loại II đối với thành phố Sóc Trăng; từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV đối với khu vực các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm; đầu tư xây dựng thị trấn Trần Đề cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV.

## **2. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá; nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân**

Lãnh đạo thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và định hướng thông tin báo chí. Xây dựng hệ thống hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với xây dựng chính quyền điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao.

Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong từng cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư và mỗi gia đình; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hoá từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây



dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, nhất là thể dục, thể thao quần chúng; quan tâm đầu tư phát triển một số môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của tỉnh. Xây dựng hoàn chỉnh các thiết chế thể thao cấp tỉnh, như: Sân vận động, nhà thi đấu tổng hợp,...

Tiếp tục thực hiện các giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới; thực hiện linh hoạt hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông. Thực hiện tốt công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp; đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy và học, đẩy mạnh thực hiện tự chủ, xã hội hoá giáo dục và đào tạo. Xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý giáo dục các cấp gắn với tinh giản biên chế; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân; chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, y đức của đội ngũ y, bác sĩ, cán bộ ngành y tế; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng và ngăn ngừa dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ các cơ sở khám, chữa bệnh công lập theo lộ trình, xã hội hoá đầu tư các cơ sở khám, chữa bệnh ngoài công lập. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trung tâm y tế tuyến huyện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trạm y tế xã; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất ngành y tế đã được đầu tư (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi,...), góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân.

Tập trung thực hiện các giải pháp đột phá đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; kết nối đồng bộ giữa đào tạo nghề và giải quyết việc làm trong nước và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo chính sách của Trung ương, của tỉnh. Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lao động; đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số, lao động nông thôn phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững, gắn với chuyển đổi nghề nghiệp, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động của tỉnh với vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Đẩy mạnh giải quyết việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách, giải pháp tạo việc làm gắn với nâng cao chất lượng việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế; nâng cao tỷ lệ lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm

cho khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề; hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên người dân tộc thiểu số, lao động thuộc nhóm yếu thế. Nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; tăng nhanh số lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chính sách về giảm nghèo bền vững; các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất; tạo điều kiện để các đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên hoà nhập cộng đồng; thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư trong tỉnh. Quan tâm chăm sóc người cao tuổi. Đẩy mạnh việc thực hiện các quyền của trẻ em, thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em. Thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh và đất nước.

Thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là lực lượng quan trọng để phát triển sản xuất. Tăng cường công tác nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu gắn với ứng dụng thực tiễn và phổ biến, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ doanh nghiệp xác lập quyền sở hữu công nghiệp, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, xây dựng tiêu chuẩn địa phương cho một số sản phẩm đặc trưng.

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; trong đó, tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả tỉnh. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nhất là chính sách ưu đãi đối với người có công, người nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội.

### **3. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Quyết định số 324/QĐ-TTg, ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng

với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp uỷ, chính quyền và người dân về các thách thức đang đặt ra trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; lồng ghép các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững, tiết kiệm tài nguyên nước, đất đai,...; có biện pháp phòng, tránh thiên tai, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển, vùng trũng, cù lao ven sông,...; huy động các nguồn lực tham gia công tác bảo vệ, phục hồi và trồng mới rừng, nhất là hệ thống rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển, ven sông.

Triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm; cải thiện môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tập trung xử lý, khắc phục triệt để các điểm ô nhiễm nghiêm trọng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện môi trường. Kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại; chất thải tại các khu, cụm công nghiệp. 100% các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Xã hội hoá việc thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt.

#### **4. Tăng cường quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội**

Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc. Chủ động nắm tình hình, xử lý tốt các tình huống về quốc phòng - an ninh, không để bị động, bất ngờ. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với củng cố quốc phòng, an ninh.

Triển khai thực hiện tốt các giải pháp ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ; củng cố, nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

#### **5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các cấp và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể**

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp trong việc xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương; lựa chọn những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước để tập trung giám sát, khảo sát, đề xuất kiến nghị tháo gỡ kịp thời. Thường xuyên theo

đôi, đơn đốc việc giải quyết các kiến nghị của cử tri; bảo đảm các kiến nghị chính đáng của cử tri phải được các sở, ngành, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành chức năng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ động trong việc tham mưu, triển khai các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chế độ công vụ; đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền địa phương trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vụ việc ngay từ cơ sở, không để phát sinh “điểm nóng”; tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Đồng chí bí thư cấp uỷ các cấp thực hiện tốt việc tiếp công dân định kỳ hằng tháng theo Quy chế số 11-QC/TU, ngày 29/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Quy chế số 07-QC/TU, ngày 19/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp với Nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội nâng cao hiệu quả hoạt động tăng cường công tác nắm tình hình, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân; quan tâm chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích thiết thực, chính đáng của các giai cấp, các tầng lớp Nhân dân; tích cực vận động Nhân dân tham gia các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; tham gia công tác hoà giải ở cơ sở, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của Nhân dân. Thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị; Quy định số 02-QĐi/TU, ngày 06/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong việc phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong Đảng bộ tỉnh.

## **6. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên**

6.1. Lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; không dao động, hoài nghi trước những khó khăn, thách thức; giữ vững bản chất cách mạng của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng về tư tưởng; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hoá và sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ để vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế của địa phương; chủ động cung cấp thông tin chính

xác, khách quan, đúng định hướng cho các cơ quan báo chí. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch. Giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật phát ngôn, nói, viết và làm theo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng kết hợp giữa phương pháp truyền thống với phương pháp hiện đại, đưa việc học tập lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên đi vào nền nếp, thiết thực, hiệu quả; khắc phục tình trạng lười học lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên; kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường Chính trị và trung tâm chính trị các huyện, thị xã, thành phố.

- Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức; kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp. Kết hợp giữa tăng cường kỷ cương, kỷ luật, xây dựng Đảng nghiêm minh với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng để phòng ngừa, đấu tranh với các căn bệnh chủ nghĩa cá nhân.

Xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi trong công việc hằng ngày. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa”; kịp thời biểu dương những điển hình tiên tiến, những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống; đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc và hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức cách mạng.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là triển khai thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 24/8/2018 của Tỉnh uỷ về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh Súc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, ngày 24/4/2019 của Chính phủ,... bảo đảm tính tổng thể, kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế; rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm quy định về khung danh mục vị trí việc làm trong hệ thống chính trị.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, toàn diện và công tâm, lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ, sự tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo

chính để đánh giá cán bộ. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, có bản lĩnh, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, từng bước khắc phục tình trạng hụt hẫng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tạo môi trường và điều kiện khuyến khích đổi mới, sáng tạo; có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; kiểm soát chặt chẽ quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ.

Rà soát bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng; thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp uỷ. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, khắc phục có hiệu quả tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm. Thực hiện tốt công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Chú trọng công tác phát triển đảng viên mới, bảo đảm về chất lượng. Quan tâm chỉ đạo kết nạp đảng viên ở địa bàn dân cư, vùng có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo, các đơn vị kinh tế tư nhân. Tuyên truyền, vận động chủ doanh nghiệp trong xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể nơi có đủ điều kiện. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ; kịp thời thẩm tra, xác minh, kết luận lịch sử chính trị và chính trị hiện nay, góp phần làm trong sạch nội bộ, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện. Thường xuyên rà soát, sàng lọc đảng viên không còn đủ tư cách đưa ra khỏi Đảng.

6.2. Tiếp tục cụ thể hoá, triển khai thực hiện các quyết định, quy định, quy chế, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Chủ động nắm tình hình hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị để phát hiện và ngăn chặn kịp thời khi có dấu hiệu vi phạm. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát theo hướng tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ, hướng dẫn của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới. Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng quy định; chủ động kiểm tra, giám sát về phẩm chất, đạo đức và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và giám sát theo phương châm “giám sát phải mở rộng”, “kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra về lĩnh vực đất đai, đầu tư công. Xử lý và tham mưu cấp uỷ xử lý kịp thời, nghiêm minh tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

6.3. Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, nhất là đối với các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng; chỉ đạo xử lý nghiêm đối với các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân và cơ quan truyền thông trong công tác phòng, chống tham nhũng; chú trọng nâng cao hiệu quả phát hiện tham nhũng qua tự kiểm tra nội bộ trong cơ quan, đơn vị và qua giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo.

6.4. Thực hiện tốt các nội dung, hoạt động cải cách tư pháp theo lộ trình. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo đảm về số lượng và chất lượng. Nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng; thực hiện có hiệu quả chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân, nhất là vùng nông thôn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng Nhân dân và phản biện xã hội của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với các cơ quan tư pháp.

6.5. Tăng cường công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận chính quyền, gắn với việc thực hiện nghiêm quy định về đạo đức công vụ, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ liên quan đến công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo.

Thực hiện có hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Quan tâm đổi mới nội dung, phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo; kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, các hoạt động lợi dụng tôn giáo, dân tộc nhằm chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ động tham mưu cấp uỷ, chính quyền xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp nảy sinh trong tôn giáo, dân tộc. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, kịp thời giải quyết những nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; phong trào “Dân vận khéo”; kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng mô hình “Dân vận khéo” trong hệ thống chính trị.

6.6. Lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các cấp nâng cao năng lực thể chế hoá, cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả. Hội đồng Nhân dân các cấp tăng cường giám sát các cơ quan, đơn vị trong triển khai các cơ chế, chính sách và việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh; phát huy vai trò của đại biểu Hội đồng Nhân dân trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương; quan tâm chỉ đạo tiếp nhận và giải quyết các đề xuất, kiến nghị, những vấn đề bức xúc của cử tri.

Ủy ban Nhân dân tỉnh tập trung lập quy hoạch tỉnh, điều hành phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch gắn với quy hoạch vùng và quốc gia; chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; kịp thời cụ thể hoá triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Chính phủ; quan tâm sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; tập trung chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

6.7. Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy trình công tác, hoàn thiện quy chế, quy định. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách, phương pháp, lề lối làm việc của cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp theo hướng khoa học, làm việc theo quy chế, chương trình, kế hoạch; phân công cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng trong thực hiện nhiệm vụ; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Thực hiện chuyên nghiệp hoá các hội nghị Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Thường trực Tỉnh uỷ, giảm hội, họp, dành thời gian thoả đáng nắm tình hình ở cơ sở; thực hiện tốt việc gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe, đối thoại với Nhân dân; tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân.

#### IV- NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC ĐỘT PHÁ TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV (2020-2025)

##### 1. Những nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(2) Đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án. Khai thác lợi thế hành lang kinh tế ven sông Hậu kết nối khu vực kinh tế biển; kêu gọi đầu tư các dự án năng lượng, cảng biển, khu logistics, phát triển các khu, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



(3) Cùng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(4) Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá gắn với phát triển du lịch. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân. Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

(5) Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

## **2. Các đột phá**

(1) Đẩy mạnh phát triển toàn diện nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao (đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, cán bộ lãnh đạo, quản lý) chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng từng bước yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(2) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, tạo sự chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

(3) Tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, thuỷ lợi trọng điểm; đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư năng lượng, cảng biển, khu logistics, khu, cụm công nghiệp, các đô thị, hạ tầng du lịch, hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế số.

## **Phần thứ ba ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1.** Cảng nước sâu là dự án quan trọng, tác động rất lớn đến sự phát triển của tỉnh Sóc Trăng nói riêng, cũng như sự phát triển của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước nói chung, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vùng biên giới biển của Tổ quốc. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý về chủ trương bổ sung Cảng biển nước sâu Trần Đề vào Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam.

Do đó, tỉnh Sóc Trăng kiến nghị Bộ Chính trị chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương tham mưu Chính phủ trình Quốc hội bổ sung Cảng biển nước sâu Trần Đề

vào Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam theo quy định; đồng thời, hỗ trợ tỉnh Sóc Trăng trong kêu gọi đầu tư để sớm triển khai thực hiện Dự án.

**2.** Vừa qua, tỉnh có đề nghị bổ sung quy hoạch Điện VII của 20 dự án điện gió, với quy mô công suất 1.780 MW và đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung danh mục 11 dự án điện gió vào quy hoạch phát triển điện lực; kính đề nghị Bộ Chính trị chỉ đạo Chính phủ và các bộ, ngành xem xét, chấp thuận bổ sung quy hoạch điện VII hoặc quy hoạch điện VIII đối với 9 dự án còn lại (đã trình Bộ Công Thương); đồng thời, cập nhật, bổ sung danh mục các dự án điện gió khu vực bãi bồi và ngoài khơi vùng biển thị xã Vĩnh Châu và huyện Cù Lao Dung vào Quy hoạch Điện VIII, với tổng quy mô công suất 4.100 MW. Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan có cơ chế điều chỉnh để các nhà đầu tư tham gia xây dựng lưới điện truyền tải theo hướng xã hội hóa (xây dựng đường dây 500kV Cà Mau - Bạc Liêu - Sóc Trăng) để bảo đảm hệ thống lưới điện truyền tải cho các dự án năng lượng tái tạo thuộc khu vực các tỉnh thuộc bán đảo Cà Mau.

**3.** Hệ thống kết cấu hạ tầng là điểm nghẽn chính trong phát triển kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long. Vấn đề này đã có nhiều tỉnh, thành phố kiến nghị, hôm nay, tỉnh Sóc Trăng góp chung tiếng nói với các tỉnh, kiến nghị Bộ Chính trị tiếp tục quan tâm chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm trong đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng.

Trong đó, tập trung đầu tư tuyến cao tốc Trung Lương - Cần Thơ, cầu Rạch Miễu 2, cầu Đại Ngãi kết nối Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư tuyến N2, tuyến vành đai 3 và vành đai 4 để kết nối với Vùng Đông Nam bộ; Quốc lộ 30, Quốc lộ 62, Quốc lộ 91, tuyến Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng,... để kết nối cửa ngõ Đông - Tây kết hợp với Cảng biển nước sâu Trần Đề phục vụ xuất, nhập khẩu hàng hoá, tạo đột phá cho phát triển của vùng.

**4.** Kiến nghị Bộ Chính trị quan tâm chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai các nhà máy thuộc Trung tâm nhiệt điện Long Phú để sớm đầu tư hoàn thành, đưa vào khai thác, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng.

Nơi nhận:

- Đại biểu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**

**Phan Văn Sáu**

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT NHIỆM KỲ 2015-2020,**  
**CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT NHIỆM KỲ 2020-2025**

-----

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020	Ước Thực hiện 2015-2020	Thực hiện/ Nghị quyết (%)	Nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh 2020-2025/ kết quả 2015-2020	Ghi chú
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010 bình quân 5 năm (2021-2025)	%/năm	8-9	6,15	76,88	≥8	130,08	
2	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ	USD	3.320	2.110 (tương đương 50,8 triệu đồng)	63,55	≥ 2.930 (≥ 75 triệu đồng)	148,23	
3	Cơ cấu GRDP (giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ							
	- Khu vực I	%	31,20	36,84	-	≤ 33	-	
	- Khu vực II	%	20,57	19,60	-	≥ 26	-	
	- Khu vực III	%	48,23	39,85	-	≥ 37	-	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	-	3,71	-	≥ 4	-	Chỉ tiêu mới
4	Sản lượng lúa	Triệu tấn	> 02	> 02	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	<i>Trong đó: Sản lượng lúa đặc sản, lúa chất lượng cao đến cuối nhiệm kỳ</i>	%	40	>50	>125	>80	160	
5	Sản lượng thủy, hải sản đến cuối nhiệm kỳ	Tấn	348.500	317.000	90,96	≥ 417.000	131,55	
	<i>Trong đó: Khai thác biển</i>	Tấn	76.000	64.000	84,21	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
6	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến cuối nhiệm kỳ	Triệu đồng	185	185	100,00	>250	135,14	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020	Ước Thực hiện 2015-2020	Thực hiện/ Nghị quyết (%)	Nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh 2020-2025/ kết quả 2015-2020	Ghi chú
7	<b>Xây dựng nông thôn mới đến cuối nhiệm kỳ</b>							
	- Tỷ lệ xã hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới	%	50	62,5	125	90	144	
	- Tỷ lệ xã còn lại đạt từ 15 tiêu chí trở lên	%	Tất cả xã còn lại	Tất cả xã còn lại	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	- <b>Huyện/thị xã</b> đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành xây dựng nông thôn mới	Huyện	2	2	Đạt	6	4	
8	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010)</b>	Tỷ đồng	<b>43.000</b>	<b>40.000</b>	<b>93,02</b>	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	<b>Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân mỗi năm</b>	%	-	-	-	≥21	-	Chỉ tiêu mới
9	<b>Giá trị xuất khẩu hàng hoá đến cuối nhiệm kỳ</b>	Triệu USD	<b>900</b>	<b>900</b>	<b>Đạt</b>	<b>1.200</b>	<b>133,3</b>	
	<i>Trong đó: Xuất khẩu thuỷ sản</i>	Triệu USD	750	670	89,33	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
10	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đến cuối nhiệm kỳ</b>	Tỷ đồng	<b>120.000</b>	<b>90.000</b>	<b>75,00</b>	<b>97.600</b>	<b>167,2</b>	
11	<b>Thu ngân sách nhà nước đến cuối nhiệm kỳ</b>	Tỷ đồng	<b>3.000-3.500</b>	<b>3.683</b>	<b>105,24</b>	-	-	Đã được thay thế bằng chỉ tiêu khác
	<b>Thu ngân sách nhà nước trong cân đối đến cuối nhiệm kỳ</b>	Tỷ đồng	-	-	-	<b>6.500</b>	-	Chỉ tiêu mới
12	<b>Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp</b>	%						
	- Nhà trẻ	%	15	12	80,00	25	208,3	
	- Mẫu giáo	%	90	90	Đạt	95	105,5	
	<i>Trong đó: Mẫu giáo 5 tuổi</i>	%	99	99	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020	Ước Thực hiện 2015-2020	Thực hiện/ Nghị quyết (%)	Nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh 2020-2025/ kết quả 2015-2020	Ghi chú
	- Tiểu học	%	99,5	99,5	Đạt	99,5	Tương đương nhiệm kỳ trước	
	- Trung học cơ sở	%	97	97,5	100,52	98,5	101,03	
	- Trung học phổ thông và tương đương	%	85	67	78,82	75	111,94	
<b>13</b>	<b>Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối nhiệm kỳ</b>	<b>%</b>	<b>70</b>	<b>70,08</b>	<b>100,11</b>	<b>85</b>	<b>121,2</b>	
<b>(14)</b>	<b>Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn</b>	<b>%</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>Đạt</b>	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn	‰	8	5,9	135,59	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
<b>14</b>	<b>Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã</b>	<b>%</b>	<b>95,4</b>	<b>100</b>	<b>104,82</b>	<b>100</b>	Tương đương nhiệm kỳ trước	
	<b>Số giường bệnh/10.000 dân</b>	-	-	-	-	<b>30</b>	-	Chỉ tiêu mới
	<b>Số bác sĩ/10.000 dân</b>	-	-	-	-	<b>10</b>	-	Chỉ tiêu mới
<b>15</b>	<b>Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế</b>	<b>%</b>	<b>85</b>	<b>98,79</b>	<b>112,35</b>	<b>95,5</b>	<b>96,6</b>	
	<i>Trong đó:</i>							
	<i>- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc</i>	%	100	98,99	97,72	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	<i>- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình</i>	%	50	79,5	159	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	<i>- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế</i>	%	-	-	-	95,5	-	Chỉ tiêu mới
	<i>- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi</i>	%	-	-	-	45	-	Chỉ tiêu mới
<b>16</b>	<b>Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ lao động qua đào tạo</b>	<b>%</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>Đạt</b>	<b>65</b>	<b>108,3</b>	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020	Ước Thực hiện 2015-2020	Thực hiện/ Nghị quyết (%)	Nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh 2020-2025/ kết quả 2015-2020	Ghi chú
	<i>Trong đó: Lao động qua đào tạo nghề</i>	%	55	55	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	-	-	-	30	-	Chỉ tiêu mới
	Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi	%	-	-	-	85	-	Chỉ tiêu mới
17	<b>Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân theo tiêu chí 2015</b>	%	<b>2-3</b>	<b>&gt; 3</b>	<b>Vượt</b>	<b>2-3</b>	Tương đương nhiệm kỳ trước	
	<i>Trong đó: Hộ Khmer</i>	%	3-4	> 4	Vượt	3-4	Tương đương nhiệm kỳ trước	
18	<b>Hàng năm, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>							
	- Dân số thành thị	%	100	100	100	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	-	-	-	93	-	Chỉ tiêu mới
	- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98	99	101,02	99	Tương đương nhiệm kỳ trước	
19	<b>Các chỉ tiêu về môi trường hàng năm</b>							
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải	%	100	100	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường	%	100	100	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	90	90	Đạt	95	105,5	
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	50	52,19	Vượt	65	124,5	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020	Ước Thực hiện 2015-2020	Thực hiện/ Nghị quyết (%)	Nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh 2020-2025/ kết quả 2015-2020	Ghi chú
	- Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
20	<b>Phát triển đảng viên mới</b>	<b>đảng viên</b>	<b>Trên 10.000</b>	<b>Trên 10.000</b>	<b>Đạt</b>	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	<b>Tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến cuối nhiệm kỳ</b>	<b>Đồng chí</b>	-	-	-	<b>53.400</b>	-	Chỉ tiêu mới
	<b>Tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hằng năm</b>							
21	- Trong sạch vững mạnh	%	Trên 50	Trên 50	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	- Yếu kém	%	Dưới 1,5	Dưới 1,5	Đạt	-	-	Không đề ra trong nhiệm kỳ tới
	- Hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	-	-	-	> 80	-	Chỉ tiêu mới
	- Không hoàn thành nhiệm vụ	%	-	-	-	< 1,5	-	Chỉ tiêu mới
	<b>Tỷ lệ đảng viên được xếp loại hằng năm</b>							
22	- Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	Trên 80	Trên 80	Đạt	> 80	Tương đương nhiệm kỳ trước	
	- Đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ	%	Dưới 1,5	Dưới 1,5	Đạt	< 1,5	Tương đương nhiệm kỳ trước	
23	<b>Tỷ lệ các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ</b>	<b>%</b>	<b>Trên 70</b>	<b>Trên 85</b>	<b>Vượt</b>	<b>&gt; 85</b>	Tương đương nhiệm kỳ trước	

**Ghi chú:** Số thứ tự các chỉ tiêu được đặt trong (...) là số thứ tự theo chỉ tiêu Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020, không đưa vào hệ thống chỉ tiêu nhiệm kỳ 2020-2025.